

Số: 45/BC-HĐND

Quảng Trị, ngày 05 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO

Thẩm tra của Ban Pháp chế tại kỳ họp thứ 10 - HĐND tỉnh khoá VI
(Từ ngày 09 đến ngày 11 tháng 12 năm 2013)

Thực hiện nhiệm vụ theo luật định và phân công của Thường trực HĐND tỉnh về thẩm tra các tờ trình, báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thứ 10, HĐND tỉnh khoá VI. Ban Pháp chế báo cáo như sau:

Phần I. THẨM TRA CÁC BÁO CÁO

I. Báo cáo của UBND tỉnh về tình hình quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội, thi hành pháp luật năm 2013 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2014

Ban Pháp chế cơ bản nhất trí với nhận định trong báo cáo của UBND tỉnh về tình hình quốc phòng - an ninh, trật tự an toàn xã hội (TTATXH) và thi hành pháp luật trên địa bàn tỉnh và phương hướng, nhiệm vụ năm 2014. Năm 2013, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, nhưng với sự nỗ lực, quyết tâm cao của các cấp, các ngành nên tình hình an ninh chính trị - TTATXH ổn định, quốc phòng - an ninh tiếp tục được giữ vững. Công tác đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm có chuyển biến tích cực, không để xảy ra điểm nóng hoặc hình thành các tụ điểm phức tạp về hình sự, tệ nạn xã hội; phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc được phát huy; tình hình an toàn giao thông giảm cả 03 tiêu chí về số vụ tai nạn, số người chết (số vụ 258, số người chết 121, số bị thương 260, so với cùng kỳ 2012, số vụ giảm 37, số người chết giảm 5 người, số người bị thương giảm 67 người). Các vụ án đặc biệt nghiêm trọng được điều tra, khởi tố kịp thời như: Vụ giết 5 phu trầm ở huyện Hướng Hóa; bắt và khởi tố các băng nhóm hoạt động bảo kê có tính chất xã hội đen; vụ làm giả hài cốt, di vật, nơi chôn liệt sĩ của bị can Nguyễn Thanh Thúy và Mẫn Thị Duyên được dư luận đồng tình và đánh giá cao. Công tác xây dựng chính quyền, công tác tư pháp, thanh tra và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân có nhiều chuyển biến, những vụ việc khiếu nại, tố cáo phát sinh trong kỳ được chính quyền các cấp quan tâm giải quyết hạn chế khiếu kiện vượt cấp, đông người, không để phát sinh điểm nóng; các cơ quan, ban ngành, đoàn thể tỉnh đã tích cực phối hợp triển khai và thực hiện tốt công tác diễn tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2013 đạt kết quả tốt; việc lấy ý kiến nhân dân về Dự thảo sửa đổi Hiến pháp năm 1992 chu đáo, nghiêm túc và phản ánh được ý kiến của nhân dân trong tỉnh về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, Ban Pháp chế cũng nhận thấy tình hình an ninh, TTATXH vẫn còn diễn biến phức tạp đó là:

- Mặc dù tội phạm hình sự có giảm nhưng tính chất, hậu quả ngày càng phức tạp, nghiêm trọng, nổi lên là hình thành băng nhóm hoạt động có tính chất xã hội

đen, cố ý gây thương tích, trộm cắp tài sản (So với cùng kỳ năm 2012, tội cố ý gây thương tích tăng 9 vụ chiếm 12,9%, tội trộm cắp tài sản tuy giảm 11 vụ nhưng vẫn chiếm 32,4% trong cơ cấu tội phạm).

- Công tác quản lý đối với người bị tạm giữ, tạm giam và thi hành án phạt tù còn một số hạn chế. Nhiều cơ sở tạm giữ, tạm giam trên địa bàn tỉnh đã xuống cấp nghiêm trọng, ít buồng giam, giữ nên bị quá tải ở một số địa phương, đặc biệt gần khu dân cư, đường dân sinh (Đông Hà). Trong năm 2012, Ban Pháp chế có báo cáo kết quả giám sát tình hình chấp hành pháp luật trong công tác quản lý, giáo dục, thực hiện chế độ, chính sách đối với người bị tạm giữ, tạm giam và thi hành án phạt tù đã kiến nghị UBND tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố quan tâm và tạo điều kiện như hỗ trợ kinh phí hoạt động, bố trí quỹ đất theo quy hoạch để xây dựng mới hoặc nâng cấp các Nhà tạm giữ, Trại tạm giam do ngành Công an đề xuất, song đến nay một số Nhà tạm giữ, Trại tạm giam chưa được giải quyết nhiều.

- Tình hình tội phạm về ma túy gia tăng, chủ yếu là hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy số lượng nhỏ xảy ra trên địa bàn thành phố Đông Hà và huyện Hướng Hóa. Vận chuyển ma túy từ Lào về Việt Nam qua địa bàn tỉnh Quảng Trị vẫn tiếp tục diễn ra. Đối tượng có sử dụng ma túy gia tăng (năm 2013 tăng 111 người và đa số dưới 35 tuổi chiếm gần 70%). Công tác phòng, chống mua bán trái phép chất ma túy, quản lý đối tượng nghiện và cai nghiện ma túy còn gặp nhiều khó khăn, bất cập.

- An ninh kinh tế nổi lên một số dự án lớn còn vướng mắc trong đền bù, giải phóng mặt bằng, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và việc làm của người lao động vẫn còn nhiều khó khăn; tình trạng mất an toàn một số hồ đập, khai thác khoáng sản trái phép (chủ yếu cát sạn) chưa được ngăn chặn hiệu quả.

- Tình trạng xâm canh, xâm cư và kết hôn có yếu tố nước ngoài trái phép còn xảy ra nhiều, cần được giải quyết đúng với quy định của pháp luật và phù hợp điều kiện lịch sử. (Hiện nay, người Lào xâm cư 177 hộ/1181 nhân khẩu, trong đó ở huyện Hướng Hóa có 154 hộ/1.049 nhân khẩu, huyện Đakrông có 23 hộ/132 khẩu; kết hôn không có đăng ký có yếu tố nước ngoài là 284 trường hợp).

- Tình hình giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của một số địa phương, đơn vị vẫn còn thiếu nghiêm túc; việc bố trí đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác tiếp công dân và cơ sở vật chất cho các phòng tiếp công dân các huyện, thị xã, thành phố chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; kỷ cương, kỷ luật hành chính có nơi, có lúc còn buông lỏng, một số vụ việc đã có kết luận, quyết định giải quyết nhưng cấp dưới chậm triển khai hoặc thực hiện không nghiêm túc làm phát sinh khiếu kiện kéo dài và ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân.

*** Về phương hướng, nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, TTATXH và thi hành pháp luật năm 2014:**

Ban Pháp chế cơ bản thống nhất với báo cáo của UBND tỉnh. Tuy nhiên, Ban đề nghị trong phần nhiệm vụ, giải pháp cần bổ sung và làm rõ thêm một số định hướng kế hoạch cụ thể đối với công tác đảm bảo an ninh, TTATXH và thi hành pháp luật mà Ban kiến nghị có liên quan.

*** Về kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri:**

UBND tỉnh đã giải quyết và chỉ đạo các địa phương, đơn vị tập trung giải

quyết, trả lời các kiến nghị của cử tri được nêu tại kỳ họp thứ 9, HĐND tỉnh khóa VI; cụ thể đã trả lời được 65 ý kiến, kiến nghị của cử tri trên 5 nhóm lĩnh vực chủ yếu liên quan đến sản xuất, đời sống của nhân dân như: Nông nghiệp; Xây dựng, Thương mại; Giao thông; Tài nguyên - Môi trường; Nội chính, Xã hội. Những ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của các địa phương, đơn vị được UBND tỉnh giao trách nhiệm trả lời và xử lý. Qua tổng hợp báo cáo kết quả giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri trước kỳ họp, Ban nhận thấy nhiều vấn đề cử tri quan tâm còn chậm giải quyết. Do đó, Ban đề nghị UBND tỉnh cần xem xét đưa ra lộ trình và tập trung giải quyết, chỉ đạo quyết liệt hơn, không để các ý kiến, kiến nghị đúng và chính đáng của nhân dân bị kéo dài, dùn dầy hoặc chậm giải quyết.

II. Báo cáo của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tỉnh

1. Báo cáo của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh

Ban Pháp chế nhận thấy trong năm 2013, Viện Kiểm sát nhân dân hai cấp đã phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc nâng cao chất lượng giải quyết án, tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra, thực hiện có chất lượng công tác kiểm sát khởi tố, không khởi tố vụ án, bị can và đề cao trách nhiệm phê chuẩn các quyết định, lệnh của cơ quan điều tra cũng như đảm bảo việc áp dụng, thay đổi, hủy bỏ các biện pháp ngăn chặn theo đúng quy định của pháp luật; công tác thực hành quyền công tố và kiểm sát xét xử các vụ án hình sự của ngành đã có đổi mới theo tinh thần cải cách tư pháp. Việc truy tố bị can, đình chỉ, tạm đình chỉ vụ án hình sự cơ bản đúng pháp luật, không có vụ án, bị can đình chỉ do không phạm tội hoặc Viện kiểm sát truy tố mà Tòa án tuyên không có tội. Công tác kiểm sát hoạt động tư pháp nhìn chung đã bám sát chức năng, nhiệm vụ và kịp thời phát hiện những vi phạm pháp luật đề kiến nghị, kháng nghị góp phần đảm bảo hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án tuân thủ quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, Ban cũng nhận thấy chất lượng công tác kiểm sát điều tra và kiểm sát xét xử sơ thẩm một số vụ án chưa cao, còn tình trạng Tòa án trả hồ sơ cho Viện kiểm sát để yêu cầu điều tra bổ sung 17 vụ (tăng 11 vụ so với cùng kỳ năm trước).

Tình hình khiếu kiện trong nhân dân đối với một số vụ việc đã giải quyết của ngành vẫn còn diễn ra ở một số huyện; một số phiên tòa việc tranh tụng, thuyết phục của Kiểm sát viên để bảo vệ quan điểm, pháp luật còn hạn chế.

2. Báo cáo của Tòa án nhân dân tỉnh

Ban Pháp chế đánh giá cao công tác xét xử của ngành đã áp dụng cơ bản đúng các quy định của pháp luật để xét xử, giải quyết, luôn bám sát yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương. Trong năm 2013, mặc dù số lượng các vụ án thụ lý mới tăng cao nhưng Tòa án nhân dân hai cấp đã xét xử các loại án đạt tỷ lệ chung 98%, áp dụng nhiều biện pháp để đẩy nhanh tiến độ giải quyết, không có án quá hạn luật định, trong đó, số vụ án hình sự đã đưa ra xét xử đạt 99%; giải quyết, xét xử các vụ việc dân sự đạt 97%; vụ việc hôn nhân và gia đình đạt 99%. Tòa án nhân dân tỉnh đã đưa ra xét xử kịp thời các vụ án trọng điểm, đặc biệt nghiêm trọng và án được dư luận quan tâm; các phán quyết, giải quyết của Tòa nhìn chung được dư luận đồng tình; Tòa án nhân dân 2 cấp đã nâng cao chất lượng xét xử các loại án

hôn nhân và gia đình, một số loại tranh chấp phức tạp về dân sự, hôn nhân và gia đình được kiên trì hòa giải đạt tỷ lệ thành khá cao, góp phần củng cố đoàn kết trong nội bộ nhân dân; đã khắc phục những khó khăn để tổ chức được nhiều phiên xét xử án hình sự lưu động, góp phần tích cực vào công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật và đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật.

Ban thống nhất với nhận định của ngành Tòa án về một số bản án còn sai sót trong việc áp dụng pháp luật tố tụng, thu thập chứng cứ của Tòa chưa đầy đủ, tính thuyết phục chưa cao; án bị hủy, cải sửa ở một số đơn vị và thẩm phán còn cao. Bên cạnh đó, Ban cũng nhận thấy còn một số vụ án hình sự còn chưa chính xác trong việc áp dụng pháp luật và Viện kiểm sát kháng nghị phúc thẩm 5 vụ, Tòa án đã xét xử 3 vụ đều chấp nhận kháng nghị; một số bản án, quyết định đã tuyên vẫn khó thi hành về trách nhiệm dân sự; tỷ lệ giải quyết các vụ án đưa ra xét xử có tham gia của luật sư, Trợ giúp viên pháp lý hoặc người bào chữa còn hạn chế; việc quản lý, chỉ đạo, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Hội thẩm nhân dân còn bất cập, khó khăn.

III. Kiến nghị, đề xuất

Từ tình hình và kết quả nêu trên, Ban Pháp chế HĐND tỉnh có một số kiến nghị như sau:

1. Các cấp, các ngành tiếp tục đẩy mạnh công tác PBGDPL cho người dân, chú trọng đến đối tượng thanh, thiếu niên mà trọng tâm là triển khai học tập Hiến pháp và Luật Đất đai sửa đổi năm 2003; đổi mới phương pháp PBGDPL phù hợp với từng đối tượng; triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 08/2013/NQ-HĐND ngày 31/5/2013 của HĐND tỉnh về việc quy định một số mức chi đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và bố trí kinh phí cho công tác này. Cần có cơ chế, chính sách để quan tâm, tạo điều kiện phát huy vai trò của Hội Luật gia, các tổ chức hành nghề luật sư, tư vấn pháp luật, trợ giúp pháp lý theo quy định.

2. Qua giám sát, khảo sát và làm việc tại một số địa phương, đơn vị thấy rằng để huy động toàn bộ hệ thống chính trị, cũng như các điều kiện cần thiết cho công tác phòng chống tội phạm, Ban đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết chuyên đề “Về phòng, chống tội phạm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2014 - 2020”.

3. UBND tỉnh tích cực chỉ đạo giải quyết dứt điểm các trường hợp khiếu nại, tố cáo kéo dài và tồn đọng. Kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức làm công tác tiếp công dân; tăng cường đầu tư kinh phí, trang thiết bị làm việc cho Phòng Tiếp công dân của UBND cấp huyện. Nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trực tiếp làm công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo. UBND các cấp và cơ quan chức năng cần bố trí cán bộ theo dõi sau xử lý để nắm bắt quá trình từ ban hành quyết định xử lý đến kết quả thực thi các quyết định đó; khi phát sinh khiếu nại, tố cáo phải chỉ đạo giải quyết ngay từ cơ sở, coi trọng biện pháp hòa giải, thuyết phục, giáo dục đối với những tranh chấp trong nội bộ nhân dân và chuyển nhiệm vụ tiếp công dân từ Thanh tra tỉnh về Văn phòng UBND tỉnh theo Quyết định 858/QĐ-TTg ngày 14/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ về đề án “Đổi mới công tác tiếp công dân”.

4. UBND tỉnh chỉ đạo UBND các địa phương và các cơ quan chức năng tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật nhất là trong lĩnh vực đất đai, khai thác tài nguyên - khoáng sản; tăng cường quản lý nhà nước và có giải pháp thiết thực, hiệu quả nhằm đảm bảo an toàn giao thông, giảm thiểu tai nạn. Chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường công tác giữ gìn an ninh chính trị, TTATXH, thực hiện nhiệm vụ phòng chống tội phạm ngày càng có hiệu quả đối với: Buôn bán, tàng trữ ma túy, trộm cắp và các băng nhóm tội phạm,... Triển khai tốt hơn nữa biện pháp phòng ngừa xã hội. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Trung tâm chữa bệnh, giáo dục, lao động xã hội theo Nghị quyết số 18/2009/NQ-HĐND 30/7/2009 của HĐND tỉnh để có cơ sở tổ chức việc cai nghiện, chữa bệnh, giáo dục cho đối tượng nghiện ma túy.

5. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh cần nâng cao chất lượng đội ngũ kiểm sát viên, thẩm phán có năng lực, phẩm chất chính trị để nâng cao chất lượng truy tố, xét xử nhằm áp dụng đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm và không làm oan người vô tội, chú trọng vấn đề xét xử và giải quyết các vụ án dân sự, kinh doanh thương mại tạo sự đồng tình trong các cơ quan tham gia tố tụng và trong nhân dân; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan tư pháp nhất là sự phối hợp giữa các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử trong việc áp dụng các quy định của pháp luật một cách chặt chẽ, hiệu quả hơn. Chú trọng nâng cao tỷ lệ giải quyết các vụ án đưa ra xét xử có tham gia của luật sư, Trợ giúp viên pháp lý hoặc người bào chữa đảm bảo pháp chế xã hội chủ nghĩa và tinh thần cải cách tư pháp.

Phần 2. THẨM TRA ĐỀ ÁN, DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

I. Về Tờ trình số 4020/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2013 của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết “Về biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2014”

1. Về thẩm quyền và căn cứ pháp lý để ban hành nghị quyết: Tờ trình và dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở quy định của Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003; Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức và các văn bản hướng dẫn của Chính phủ, Bộ ngành liên quan.

2. Về tên gọi của nghị quyết: Ban Pháp chế thống nhất với tên gọi của nghị quyết như đề nghị tại Tờ trình số 4020/TTr-UBND ngày 25/11/2013 của UBND tỉnh “Về biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2014”.

3. Về nội dung nghị quyết: Ban cơ bản thống nhất với nội dung của Tờ trình số 4020/TTr-UBND ngày 25/11/2013 của UBND tỉnh và đề nghị HĐND tỉnh xem xét, ban hành nghị quyết với những nội dung cơ bản sau đây:

- Tổng biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2014: 19.262 biên chế, chỉ tiêu (gồm có cả biên chế dự phòng và chỉ tiêu Hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP). Trong đó:

- + Hành chính: 2024 biên chế;
- + Sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo: 13.782 biên chế;
- + Sự nghiệp Y tế: 2.338 biên chế;
- + Sự nghiệp Văn hóa - Thể thao: 363 biên chế;
- + Sự nghiệp khác: 544 biên chế;

- + Hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: 208 chỉ tiêu;
- + Dự phòng: 20 biên chế (Gồm 4 biên chế dự phòng năm 2013 chuyển sang);
- Chỉ tiêu biên chế trả lương từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp: 830 chỉ tiêu.
- Y Tế xã: 627 chỉ tiêu.

Ban đề nghị HĐND tỉnh xem xét, thông qua tổng biên chế hành chính và quyết định tổng biên chế sự nghiệp năm 2014. Tuy nhiên, Ban có kiến nghị như sau:

- Hiện nay biên chế Khối sự nghiệp đã được phân bổ trong năm 2013 còn chưa tuyển dụng là rất lớn (riêng ngành giáo dục là 989 biên chế chưa tuyển dụng, trong khi đó hợp đồng của các đơn vị, địa phương là 1923), do đó cần có kế hoạch tuyển dụng số biên chế đã phân bổ nói trên, nên ưu tiên tuyển dụng những người đang hợp đồng nếu có đủ điều kiện theo quy định và chưa giao biên chế năm 2014 đối với các đơn vị chưa tuyển dụng hết biên chế đã giao năm 2013.

- Đối với tình hình mất cân đối biên chế sự nghiệp giáo dục giữa các địa phương trong tỉnh. Trong năm 2014, huyện Hướng Hóa và Đakrông cần bổ sung 306 giáo viên, trong khi các huyện, thị xã, thành phố ở đồng bằng thừa 344 giáo viên. Vấn đề này, Ban đề nghị không tuyển dụng thêm ở những địa phương đang thừa giáo viên đồng thời cân đối các cấp học, bộ môn và điều kiện cụ thể để có chính sách luân chuyển giáo viên từ những nơi thừa đến nơi thiếu.

- Đề nghị UBND tỉnh giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo để tham mưu cho UBND tỉnh có chính sách, biện pháp phù hợp trong việc luân chuyển giáo viên và quy định tiêu chí, số lượng, thời hạn hợp đồng giáo viên, nhân viên các cấp trường học đảm bảo cân đối biên chế cần tuyển và quyền lợi giáo viên.

- Về các đơn vị sự nghiệp tự trang trải kinh phí để thực hiện Nghị quyết số 10/2010/NQ-HĐND ngày 23/7/2010 của HĐND tỉnh về “Giao quyền tự chủ về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước; Giao quyền tự chủ về biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập” và Quyết định số 2056/QĐ-UBND ngày 02/11/2010 của UBND tỉnh về chuyển 04 đơn vị sang tự trang trải toàn bộ kinh phí hoạt động từ năm 2013, Ban đề nghị 3 đơn vị sau đây: Trung tâm Dịch vụ - Hội nghị tỉnh thuộc Văn phòng UBND tỉnh; Trung tâm Công nghệ thông tin và Ngoại ngữ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; Trung tâm Công nghệ thông tin và Truyền thông thuộc Sở Thông tin và Truyền thông. Không bố trí biên chế hưởng lương ngân sách trong năm 2014, nếu các đơn vị không tự trang trải được toàn bộ kinh phí hoạt động thì tìm phương thức quản lý khác.

II. Thẩm tra dự thảo nghị quyết kèm theo đề án “Số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố theo Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ”

Sau khi nghiên cứu dự thảo nghị quyết kèm theo Tờ trình số 3993/TTr-UBND ngày 25/11/2013 và Tờ trình số 4085/TTr-UBND ngày 29/11/2013 của UBND tỉnh; Ban Pháp chế HĐND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Về tên gọi

Ban Pháp chế thống nhất về tên gọi như đề án đã trình là: Nghị quyết về “Số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố theo Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ”. Và Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 09/2010/NQ-HĐND ngày 23/7/2010 của HĐND tỉnh “Về chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố”;

2. Cơ sở pháp lý

- Đề án xây dựng trên cơ sở các quy định hiện hành như Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003; Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ; Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; Nghị định số 73/2009/NĐ-CP ngày 07/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Công an xã; Nghị định số 58/2010/NĐ-CP ngày 01/6/2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết và thi hành một số điều của Luật Dân quân tự vệ; Thông tư số 49/2012/TT-BTC ngày 20/3/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc hỗ trợ kinh phí hoạt động của Chi hội thuộc các tổ chức chính trị - xã hội thuộc các xã đặc biệt khó khăn; Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31/8/2012 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của thôn và tổ dân phố.

3. Bố cục, cơ cấu chức danh, mức khoán kinh phí hoạt động

- Cơ quan tham mưu xây dựng đề án đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo để lấy ý kiến các ngành, các cấp, tiếp thu hoàn chỉnh đề án với bố cục hợp lý, cơ cấu chức danh phù hợp với từng đơn vị hành chính theo Nghị định 159/2005/NĐ-CP ngày 27/12/2005 của Chính phủ “Về phân loại đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn”;

- Mức phụ cấp đối với cán bộ không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương; có tính đến việc khuyến khích người có trình độ cao nhằm đào tạo nguồn cán bộ cho hệ thống chính trị cơ sở;

- Khi thực hiện đề án mới thì khoản chi ngân sách của địa phương giảm nhiều so với khi thực hiện nghị quyết 09/2010/NQ-HĐND của tỉnh (giảm khoảng 14.783.254.000 đồng/năm);

- Mức khoán kinh phí phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương, tạo điều kiện về kinh phí và tính chủ động để các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã, thôn, bản, khu phố hoạt động có hiệu quả;

4. Về số lượng, chức danh

Ban Pháp chế đồng tình như đề án của UBND tỉnh về số lượng, chức danh cán bộ không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu, phố cụ thể như sau:

a) Ở xã, phường, thị trấn:

Gồm 18 chức danh, tăng 03 chức danh so với Nghị quyết 09/2010/NQ-HĐND ngày 23/7/2010 của HĐND tỉnh (1. Phó Trưởng Công an xã; 2. Kế hoạch - giao thông - Thủy lợi ở xã hoặc Kế hoạch - Thương mại Dịch vụ - Đô thị ở phường loại 2, loại 3 và ở thị trấn; 3. Thông tin - Truyền thông (phụ trách Đài truyền thanh xã,

phường, thị trấn), cụ thể như sau:

1. Phó Chỉ huy trưởng quân sự;
2. Phó Trưởng Công an xã;
3. Chủ tịch Hội người cao tuổi;
4. Chủ tịch Hội chữ thập đỏ;
5. Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc;
6. Chủ tịch Hội liên hiệp Thanh niên xã, phường, thị trấn;
7. Cán bộ phụ trách Tổ chức;
8. Cán bộ phụ trách Kiểm tra;
9. Cán bộ phụ trách Tuyên giáo;
10. Cán bộ phụ trách Dân vận;
11. Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
12. Phó Chủ tịch Hội liên hiệp Phụ nữ;
13. Phó Chủ tịch Hội Nông dân;
14. Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh;
15. Văn phòng Đảng ủy (ở các xã loại 2 có trên 8.000 dân đối với vùng đồng bằng, trên 5.000 dân đối với vùng miền núi và xã, phường, thị trấn loại 3);
16. Kế hoạch - giao thông - Thủy lợi (ở xã) hoặc Kế hoạch - Thương mại Dịch vụ - Đô thị (ở phường loại 2, loại 3 và ở thị trấn)
17. Thông tin - Truyền thông (phụ trách Đài truyền thanh xã, phường, thị trấn).

18. Văn thư - Lưu trữ - Thủ quỹ (ở các xã, thị trấn loại 3);

b) Ở thôn, bản, khu phố:

- Bí thư Chi bộ; Bí thư Đảng ủy bộ phận; Bí thư Chi bộ trực thuộc Đảng ủy bộ phận;
- Trưởng thôn, Trưởng ban, Khu phố Trưởng;
- Công an viên ở thôn, bản (ở khu phố không có công an viên mà đã có Ban bảo vệ dân phố theo quy định tại nghị quyết 07/2009/NQ-HĐND ngày 24/4/2009 của HĐND tỉnh).

c) Các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, bản, khu phố được khoán quỹ phụ cấp và kinh phí hoạt động gồm:

- Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư;
- Chi hội Hội cựu chiến binh;
- Chi hội Hội Phụ nữ;
- Chi hội Hội Nông dân;
- Chi Đoàn Thanh niên CSHCM;
- Chi hội Hội người cao tuổi.

d) Về từng chức danh cụ thể:

Ban Pháp chế thống nhất với tờ trình của UBND tỉnh, riêng 4 chức danh (Trưởng Ban Tổ chức Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra, Trưởng Ban Tuyên giáo, Trưởng Ban Dân vận) ở xã, phường, thị trấn được quy định tại Nghị quyết 09/2010/NQ-HĐND ngày 23/7/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh. Nay, để tạo điều kiện chủ động trong sắp xếp, bố trí và tạo nguồn cán bộ cho hệ thống chính trị cơ sở cần sửa đổi chức danh là cần thiết, phù hợp nhưng Tờ trình số 4085/TTr-UBND ngày 29/11/2013 của UBND tỉnh ghi là: Công tác Tổ chức Đảng, Công tác Kiểm

tra Đảng, Công tác Tuyên giáo, Công tác Dân vận thì chưa nêu được chức danh. Vì vậy, Ban Pháp chế đề nghị các chức danh phụ trách công tác về Tổ chức, Kiểm tra, Tuyên giáo, Dân vận ở xã, phường, thị trấn cần được nêu rõ hơn và nên quy định như sau: Cán bộ phụ trách Tổ chức, Cán bộ phụ trách Kiểm tra, Cán bộ phụ trách Tuyên giáo, Cán bộ phụ trách Dân vận của tổ chức Đảng ở xã, phường, thị trấn.

5. Phương án phụ cấp, mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, khoán quỹ phụ cấp và kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, bản, khu phố

- Ban Pháp chế thống nhất chọn phương án 1 như đề án của UBND tỉnh trình và đề nghị HĐND tỉnh xem xét, quyết định;

- Về chế độ kiêm nhiệm và một số chế độ khác Ban Pháp chế thống nhất như tờ trình của UBND tỉnh;

- Ban đề nghị bỏ cụm từ “trở lên” của câu “...áp dụng đối với người chưa có trình độ trung cấp, nghiệp vụ trở lên” trong đề án và dự thảo Nghị quyết.

- Về việc khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã, khoán quỹ phụ cấp và kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, bản, khu phố, Ban Pháp chế đề nghị quy định mức tối thiểu nhưng không quy định mức tối đa để các địa phương căn cứ vào khả năng ngân sách và hoạt động cụ thể của từng tổ chức để xem xét hỗ trợ kinh phí nhằm khuyến khích tạo điều kiện cho các tổ chức hoạt động có hiệu quả;

- Những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố (không bao gồm các chức danh của các tổ chức: Ban công tác mặt trận ở khu dân cư, Chi hội Hội nông dân, Chi hội Hội Phụ nữ, Chi hội Hội Cựu chiến binh, Chi đoàn thanh niên CSHCM và Chi hội Hội Người cao tuổi) được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế từ ngân sách Trung ương bằng 3% mức phụ cấp hàng tháng (trừ những trường hợp đã có chế độ bảo hiểm y tế), đây là sự quan tâm đặc biệt đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố nhằm đảm bảo quyền lợi về bảo hiểm y tế cho các chức danh nói trên.

6. Về thời gian thực hiện

- Đối chiếu với các quy định hiện hành, khả năng ngân sách, Ban Pháp chế đề nghị Nghị quyết của HĐND tỉnh được thực hiện từ ngày 01/01/2014 như Ủy ban nhân dân tỉnh đã trình;

- Việc áp dụng mức lương tối thiểu được thực hiện theo Nghị định 66/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính phủ “quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang” và được điều chỉnh theo quy định của Chính phủ.

7. Một số kiến nghị liên quan đến đề án

Ban Pháp chế đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh nghiên cứu, xem xét một số kiến nghị sau:

- Trong điều kiện ngân sách tỉnh còn khó khăn thì hệ số mức phụ cấp như đề án trình là phù hợp nhưng khi có điều kiện thì phải điều chỉnh tăng mức phụ cấp cho lực lượng cán bộ không chuyên trách đúng với tổng kinh phí được Chính phủ khoán theo Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013, vì thực ra hiện nay đang chia theo chức danh và phù hợp với điều kiện địa phương chứ chưa phải thực hiện

khoản kinh phí đầy đủ theo quy định của Chính phủ;

- Ban đồng tình với phương án 1, khoản cho các tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, bản, khu phố và không quy định mức hỗ trợ cụ thể cho từng chức danh như đề án là tạo điều kiện cho các tổ chức chủ động trong việc phân chia sự hỗ trợ phụ cấp để bố trí công việc hợp lý, hiệu quả nhưng sẽ nảy sinh mâu thuẫn, là sẽ có sự so sánh giữa các thôn, bản, khu phố có cùng điều kiện, cùng loại mà hưởng chế độ phụ cấp khác nhau; các chức danh phó của tổ chức chính trị - xã hội ở thôn, bản, khu phố ít nhiều sẽ có hưởng chế độ phụ cấp hàng tháng, trong lúc đó Phó Bí thư Chi bộ thôn, bản, khu phố; Phó Trưởng trưởng thôn, bản, khu phố lại không có sự hỗ trợ về phụ cấp hay kinh phí hoạt động, đây là một mâu thuẫn cần phải được xem xét, hoặc là quy định khoản trọn gói kinh phí cho các thôn, bản, khu phố theo Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ để các thôn, bản, khu phố chủ động kinh phí hỗ trợ hoặc là quy định chức danh Phó Trưởng thôn, bản, khu phố; Phó Bí thư Chi bộ thôn, bản, khu phố và Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ phụ cấp phù hợp.

Ban Pháp chế thống nhất đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về “Số lượng, chức danh, mức phụ cấp đối với những người hoạt động không chuyên trách và khoản kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở xã, phường, thị trấn và thôn, bản, khu phố theo Nghị định số 29/2013/NĐ-CP ngày 08/4/2013 của Chính phủ” như ý kiến thẩm tra của Ban.

III. Tờ trình số 246/TTr-HĐND ngày 22/11/2012 của Thường trực HĐND tỉnh “Về việc sửa đổi, bổ sung chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật toàn khóa và chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VI, nhiệm kỳ 2011 - 2016”

Sau khi nghiên cứu Tờ trình số 246/TTr-HĐND ngày 22/11/2012 của Thường trực HĐND tỉnh, Ban Pháp chế có ý kiến như sau:

- Thường trực HĐND tỉnh xây dựng Tờ trình “Về việc sửa đổi, bổ sung chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật toàn khóa và chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VI, nhiệm kỳ 2011 - 2016” đảm bảo quy trình của luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND năm 2004 và các văn bản hướng dẫn thi hành cũng như điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương;

- Danh mục các nghị quyết bổ sung toàn khóa phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của HĐND tỉnh theo quy định pháp luật đồng thời có tính toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh đảm bảo cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong nhiệm kỳ 2011 - 2016 và những năm tiếp theo.

- Danh mục nghị quyết ban hành trong năm 2014 đã được phân bổ hợp lý và phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và các nguồn lực của địa phương;

- Như kiến nghị ở phần thẩm tra các báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh (về lĩnh vực quốc phòng an ninh và trật tự an toàn xã hội), Ban Pháp chế đề xuất bổ sung danh mục nghị quyết chuyên đề “Về phòng chống tội phạm trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2014 - 2020”, vào danh mục nghị quyết toàn khóa HĐND tỉnh 2011-2016 và được ban hành trong năm 2014;

- Đề nghị quyết của HĐND tỉnh có chất lượng và thực thi có hiệu quả ~~đề~~

ng nghị các đơn vị trình đề án cần chuẩn bị chu đáo và đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ ban hành nghị quyết khi đảm bảo các nguồn lực để thực thi.

Ban Pháp chế thống nhất đề nghị HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về “Về việc sửa đổi, bổ sung chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật toàn khoá và chương trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh khoá VI, nhiệm kỳ 2011 - 2016” trên cơ sở tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thẩm tra của Ban.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế, kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định. /

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các đại biểu dự họp;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, BPC.

TM. BAN PHÁP CHẾ
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Văn Cầu